

Số 336 /GDĐT-CNTT

Củ Chi, ngày 29 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Rà soát Cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo huyện Củ Chi

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 6 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chiến lược quản trị dữ liệu của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch Triển khai Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản 5496/SGDĐT-VP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 758/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tổ chức thực hiện Chủ đề công tác năm 2024: “Quyết tâm thực hiện hiệu quả Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”,

Căn cứ Kế hoạch số 963/KH-SGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Rà soát Cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (GDĐT) ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật bổ sung dữ liệu của công chức, viên chức, người lao động và học sinh trên hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Đôn đốc tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố thực hiện rà soát, thu thập, cập nhật bổ sung đầy đủ, chính xác dữ liệu của người học, công chức, viên chức, người lao động và học sinh trong toàn Ngành giáo dục và đào tạo huyện.

Đảm bảo dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.hcm.edu.vn> được chuẩn hóa, tất cả các trường dữ liệu được cập nhật đầy đủ, đồng thời dữ liệu phải được xác thực với CSDL dân cư quốc gia, làm cơ sở để triển khai có hiệu quả các công tác chuyển đổi số của Ngành giáo dục và đào tạo toàn Thành phố gắn với việc thực hiện Chủ đề công tác năm 2024 của Thành phố: “Quyết tâm thực hiện hiệu quả Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”.

Rà soát không để phát sinh CSDL cục bộ gây phát sinh trùng lặp dữ liệu giữa các hệ thống không liên thông; đảm bảo dữ liệu được liên thông, chia sẻ hướng tới 04 tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống” của dữ liệu. Hỗ trợ các phòng thuộc Sở, Phòng GDĐT quận/huyện/thành phố, đơn vị trực thuộc phát triển các hệ thống nghiệp vụ riêng của từng lĩnh vực quản lý trên nền CSDL dùng chung của Ngành.

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong việc đảm bảo tính chính xác, đầy đủ dữ liệu của đơn vị. Căn cứ để đánh giá việc áp dụng công tác chuyển đổi số trong quản lý, hoạt động của từng đơn vị.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Từ 26/02/2024 đến 01/3/2024: các cơ sở giáo dục thực hiện kiểm tra thực tế hiện trạng dữ liệu đang được lưu trữ trên CSDL dùng chung của ngành. Thu thập, chuẩn bị dữ liệu theo yêu cầu.

- Ngày 06/3/2024 đến 08/3/2024: tập huấn hướng dẫn công tác nhập, cập nhật bổ sung dữ liệu lên CSDL dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố.

- Từ ngày 11/3/2024 đến 16/3/2024: đơn vị thực hiện cập nhật, bổ sung dữ liệu.

- Từ ngày 17/3/2024 đến 22/3/2024: Sở GDĐT rà soát đánh giá dữ liệu và ban hành văn bản chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục đối với những dữ liệu chưa đạt yêu cầu của đơn vị.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện rà soát, thu thập, cập nhật dữ liệu theo yêu cầu lên CSDL dùng chung của Ngành.

Phối hợp với công an địa phương tổ chức cấp căn cước công dân và kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên ứng dụng VNeID đối với các cá nhân đủ 14 tuổi chưa có căn cước công dân hoặc chưa kích hoạt định danh điện tử mức 2.

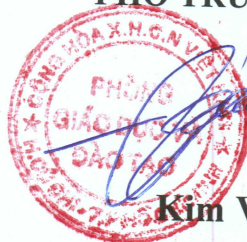
Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi nội dung về email: cntt.cc@hcm.edu.vn). Lưu ý ghi rõ tên đơn vị, cấp học và nội dung cần được hỗ trợ.

Trên đây là Kế hoạch rà soát Cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố, đề nghị thủ trưởng các đơn vị được phân công nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng các đơn vị giáo dục trên địa bàn huyện;
- Lưu VT, TTMên

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Kim Văn Minh





Phụ lục III

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Đính kèm Kế hoạch số: ngày tháng năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành Phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay
22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện

		thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số CCCD	
25	Nơi cấp	
26	Ngày cấp	
27	Số định danh cá nhân	
28	Họ tên cha	
29	Nghề nghiệp cha	
30	Năm sinh cha	
31	Số điện thoại cha	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2
32	Họ tên mẹ	
33	Nghề nghiệp mẹ	
34	Năm sinh mẹ	
35	Số điện thoại mẹ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2
36	Họ tên người giám hộ	
37	Nghề nghiệp người giám hộ	
38	Năm sinh người giám hộ	
39	Số điện thoại người giám hộ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2

Phụ lục II

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH TIỂU HỌC

(Đính kèm Kế hoạch số: ngày tháng năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay
22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện

		thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số định danh cá nhân	
25	Họ tên cha	
26	Nghề nghiệp cha	
27	Năm sinh cha	
28	Số điện thoại cha	
29	Họ tên mẹ	
30	Nghề nghiệp mẹ	
31	Năm sinh mẹ	
32	Số điện thoại mẹ	
33	Họ tên người giám hộ	
34	Nghề nghiệp người giám hộ	
35	Năm sinh người giám hộ	
36	Số điện thoại người giám hộ	

Phụ lục I

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH MÀM NON

(Đính kèm Kế hoạch số: ngày tháng năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay
22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện

		thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số định danh cá nhân	
25	Họ tên cha	
26	Nghề nghiệp cha	
27	Năm sinh cha	
28	Số điện thoại cha	
29	Họ tên mẹ	
30	Nghề nghiệp mẹ	
31	Năm sinh mẹ	
32	Số điện thoại mẹ	
33	Họ tên người giám hộ	
34	Nghề nghiệp người giám hộ	
35	Năm sinh người giám hộ	
36	Số điện thoại người giám hộ	

Phụ lục V

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI NHÂN SỰ

(Đính kèm Kế hoạch số: ngày tháng năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Giới tính	
3	Ngày sinh	
4	Trạng thái công tác	
5	Ngày cập nhật trạng thái	
6	Số CCCD	
7	Ngày cấp	
8	Nơi cấp	
9	Email	
10	Điện thoại	
11	Dân tộc	
12	Tôn giáo	
13	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
14	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
15	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
16	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
17	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
18	Quận/Huyện	Theo quê quán
19	Xã/Phường	Theo quê quán
20	Là Đoàn viên	
21	Là Đảng viên	
22	Số sổ BHXH	
23	Vị trí việc làm	

24	Nhóm chức vụ	
25	Hình thức hợp đồng	
26	Ngày tuyển dụng	
27	Cơ quan tuyển dụng	
28	Nghề nghiệp khi được tuyển dụng	
29	Ngạch/Hạng	
30	Đã tập huấn dạy KN sống	
31	Chuyên trách đội	
32	Mức phụ cấp thu hút nghề (%)	
33	Mức phụ cấp thâm niên (%)	
34	Mức phụ cấp ưu đãi nghề (%)	
35	Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo (%)	
36	Bậc lương	
37	Phần trăm vượt khung (%)	
38	Hệ số lương	
39	Ngày hưởng	
40	KQ B. dưỡng t. xuyên	
41	T. độ c. môn n. vụ	
42	T. độ LLCT	
43	T. độ quản lý GD	
44	Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ	
45	Ngoại ngữ chính	
46	Nhóm C. Chỉ N. Ngữ	
47	Loại C. Chỉ N. Ngữ	
48	Khung N. Lực N. Ngữ	
49	GV có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số	
50	Trình độ đào tạo ngoại ngữ	
51	T. độ tin học	
52	Chuyên ngành chính	

53	Trình độ chính	
54	Chuyên ngành khác	
55	Trình độ khác	
56	Tham gia bồi dưỡng CBQL cốt cán	
57	Tham gia bồi dưỡng thay sách	
58	Đánh giá viên chức	
59	Số tài khoản	
60	Ngân hàng	
61	Chi nhánh	
62	Mã số thuế cá nhân	

